

Số: /STTTT-BCVT

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

V/v hướng dẫn thực hiện tiêu chí đánh giá triển khai mô hình chuyển đổi số toàn diện cấp xã

Kính gửi:

- UBND thành phố Đồng Xoài;
- UBND thị xã Phước Long, Bình Long, Chơn Thành;
- UBND huyện Lộc Ninh.

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Để kịp thời đánh giá và công nhận mức độ chuyển đổi số toàn diện cấp xã cho các xã, phường, thị trấn trong danh sách thí điểm chuyển đổi số tại Nghị quyết 04-NQ/TU, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu về mô hình chuyển đổi số toàn diện cấp xã, như sau:

## **1. Điều kiện đạt tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số toàn diện cấp xã.**

Tiêu chí cấp xã: Gồm 03 nhóm tiêu chí với 54 tiêu chí thành phần, trong đó để đạt mức độ chuyển đổi số toàn diện cấp xã phải đạt 100% (33/33) tiêu chí bắt buộc và tối thiểu 50% (11/21) tiêu chí mở rộng (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

## **2. Tổ chức triển khai thực hiện.**

Để đảm bảo đáp ứng tiêu chí đánh giá và công nhận mức độ chuyển đổi số toàn diện cấp xã nêu trên, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp, triển khai các nội dung sau:

a) UBND cấp huyện:

- Căn cứ hướng dẫn này triển khai, phổ biến đến UBND cấp xã biết để thực hiện; tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện để các xã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu của khung tiêu chí đánh giá và công nhận mức độ chuyển đổi số toàn diện cấp xã.

- Bố trí nguồn lực kinh phí đầu tư cho UBND xã hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng trang thiết bị đáp ứng các tiêu chí: Trang bị máy tính có kết nối mạng LAN; Hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự xã hội; Đầu tư ít nhất 01 máy tính được kết nối internet và sẵn sàng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại điểm phục vụ bưu chính của xã; Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người

dân; Hệ thống quản lý thông tin dữ liệu kinh tế - xã hội của xã, phường, thị trấn; Hệ thống wifi kết nối internet cáp quang băng rộng tại nhà văn hóa thôn, ấp, khu phố, wifi miễn phí ở các điểm công cộng.

- Đầu tư triển khai các hệ thống, mô hình trong lĩnh vực y tế, giáo dục như: Trang thiết bị phục vụ tư vấn, khám chữa bệnh từ xa (*máy tính, đường truyền internet băng rộng, camera, loa...*); Hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn (*theo Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ Y tế*); Mô hình trường học chuyển đổi số (*theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

- Hoàn thiện đầu tư xây dựng, nâng cấp Trang thông tin điện tử cấp xã theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 của Chính phủ.

#### b) Chỉ đạo UBND cấp xã:

- Tăng cường khai thác, sử dụng có hiệu quả các phần mềm, hệ thống, nền tảng số, ứng dụng của tỉnh đã đầu tư theo địa chỉ: [dangnhap.binhphuoc.gov.vn](http://dangnhap.binhphuoc.gov.vn), đảm bảo mục tiêu theo tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số toàn diện cấp xã như:

+ Hệ thống dịch vụ công của tỉnh kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia; đảm bảo các mục tiêu về hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính...

+ Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Phần mềm hợp không giấy [ecabinet.vn](http://ecabinet.vn); Thư điện tử công vụ; phần mềm sổ tay Đảng viên tỉnh Bình Phước; Phần mềm quản lý công chức, viên chức...

+ Thường xuyên khai thác, sử dụng các hệ thống, nền tảng của tỉnh đầu tư cho cấp xã như: Hệ thống thông tin báo cáo kinh tế xã hội tỉnh Bình Phước <https://ktxh.binhphuoc.gov.vn/>; Hệ thống quản lý CSDL phục vụ chỉ đạo, điều hành chính quyền số cấp xã <https://quanlycapxa.binhphuoc.gov.vn/>; Hệ thống hợp trực tuyến; Hệ thống đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; Mạng truyền số liệu chuyên dùng; Nền tảng trợ lý ảo cho cán bộ, công chức, viên chức; Nền tảng phản ánh, kiến nghị BinhPhuocToDay.

+ Phân cấp khai thác các chức năng của tỉnh đã triển khai chung: IOC, SOC...

- Căn cứ kế hoạch triển khai công tác chuyển đổi số hằng năm của UBND tỉnh, UBND cấp huyện, xây dựng và triển khai chương trình hành động, kế hoạch của cấp xã; Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã, trong đó phân công tối thiểu 01 cán bộ phụ trách công tác bảo đảm an toàn thông tin. Cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn do Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức, đảm bảo 100% số lượng cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

- Chủ động đề xuất UBND cấp huyện bố trí nguồn kinh phí đầu tư hoàn thiện hạ tầng, cơ sở vật chất trang thiết bị trong quá trình thực hiện chuyển đổi số toàn diện tại xã.

- Xây dựng nền tảng số hoặc thiết lập các kênh, trang mạng xã hội (*Zalo, facebook...*) và các Forum, diễn đàn để phổ biến thông tin (*pháp luật, thông báo,*

*hướng dẫn...)*, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới; Cung cấp thông tin lịch trình thu gom rác thải; Nhận thông tin và thực hiện chi trả dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải; Nhận thông tin và được hướng dẫn biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đến với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông: Khảo sát, lập hồ sơ đề xuất xác định an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của xã; 100% máy tính làm việc của cán bộ, công chức được cài phần mềm phòng chống mã độc.

- Phối hợp với các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn triển khai các mô hình: Ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ; Phát triển kinh tế gắn với bảo tồn văn hóa hoặc bảo vệ môi trường có ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; kinh tế nông thôn đổi mới, sáng tạo dựa trên ứng dụng giải pháp công nghệ số.

- Thường xuyên tuyên truyền, vận động doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ sản xuất, kinh doanh cá thể, hợp tác xã trên địa bàn xã sử dụng các nền tảng số cho doanh nghiệp; sử dụng thương mại điện tử để kinh doanh sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của địa phương; sử dụng hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử, nộp thuế điện tử; yêu cầu các hợp tác xã trên địa bàn tham gia các lớp tập huấn ứng dụng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tuyên truyền, vận động người dân cài đặt chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân, phần mềm phòng, chống virus, mã độc trên điện thoại thông minh; sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, dịch vụ khám chữa bệnh từ xa, hồ sơ sức khỏe điện tử, tài khoản định danh điện tử (VNeID), 70% người dân trong độ tuổi lao động tham gia các lớp đào tạo kỹ năng số cơ bản, an toàn thông tin mạng và hành vi ứng xử trên các mạng xã hội.

*(Kèm theo phụ lục danh sách các nền tảng, hệ thống thông tin, ứng dụng của tỉnh đã đầu tư)*

Trên đây là hướng dẫn thực hiện tiêu chí và đánh giá triển khai mô hình chuyển đổi số toàn diện cấp xã. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

Trân Trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng VH TT: thành phố Đồng Xoài; thị xã Phước Long, Bình Long, Chơn Thành; huyện Lộc Ninh;
- UBND cấp xã: Tân Bình, Tân Phú (thành phố Đồng Xoài); Long Thủy, Long Phước, Phước Bình, Phước Tín (thị xã Phước Long); Lộc Thiện, Lộc Thái, Lộc Hưng, Lộc Thịnh (huyện Lộc Ninh); Phú Đức, Phú Thịnh, An Lộc, Hưng Chiến, Thanh Lương (thị xã Bình Long); Hưng Long, Minh Hưng, Minh Thành, Minh Lập, Nha Bích (huyện Chơn Thành).
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**PHỤ LỤC 1:**  
**Tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số toàn diện cấp xã**  
*(Kèm theo Công văn số /STTTT-BCVTCNTT ngày / /2024*  
*của Sở Thông tin và Truyền thông)*

Stt	Nhóm chỉ tiêu /tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức độ toàn diện		Phương pháp thu thập, đánh giá
			Mục tiêu	Bắt buộc /Mở rộng	
<b>I</b>	<b>CHÍNH QUYỀN SỐ</b>				
1	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	%	60%	Bắt buộc	Số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	%	40%	Bắt buộc	Số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	70%	Bắt buộc	Số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
4	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	%	95%	Bắt buộc	Số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
5	Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	%	100%	Bắt buộc	Số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
6	Tỷ lệ văn bản tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	%	70%	Bắt buộc	Số phần trăm của văn bản được xử lý trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên tổng số văn bản của cơ quan cấp xã.
7	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền được thực hiện trên hệ thống và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	Hệ thống	Có hệ thống	Bắt buộc	Địa phương có triển khai sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo và tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
8	Địa phương có triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân.	Nền tảng	Có nền tảng	Mở rộng	Địa phương có triển khai sử dụng nền tảng trợ lý ảo cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ công tác

					chuyên môn.
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.	%	60%	Bắt buộc	Số phần trăm của cán bộ, công chức cấp xã được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức của địa phương tại thời điểm đánh giá.
10	Có cán bộ phụ trách công tác bảo đảm an toàn thông tin.	Nhân sự	Tối thiểu 01 nhân sự	Bắt buộc	Địa phương có Quyết định phân công cán bộ, công chức làm công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng.
11	Tỷ lệ công chức cấp xã được trang bị máy tính, có kết nối mạng LAN, được cài phần mềm phòng chống virus, mã độc đáp ứng yêu cầu Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.	%	90%	Bắt buộc	Số phần trăm của công chức cấp xã được trang bị máy tính, có kết nối mạng LAN, được cài phần mềm phòng chống mã độc so với tổng số cán bộ, công chức cấp xã tại thời điểm đánh giá.
12	Tỷ lệ hệ thống thông tin của chính quyền được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin mạng.	%	100%	Bắt buộc	Số phần trăm hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin trên tổng số hệ thống thông tin của cơ quan cấp xã.
13	Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ các biện pháp an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ được phê duyệt.	%	100%	Bắt buộc	Số phần trăm hệ thống thông tin được triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt, cấp độ an toàn thông tin trên tổng số hệ thống thông tin của cơ quan cấp xã.
14	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin (01 lần kiểm tra, đánh giá được tính cho 02 năm).	%	100%	Bắt buộc	Hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá định kỳ trên tổng số hệ thống thông tin của cơ quan cấp xã.
15	Hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự xã hội.	Hệ thống	Có hệ thống	Mở rộng	UBND cấp xã có triển khai và sử dụng Hệ thống camera giám sát

					an ninh, trật tự xã hội.
16	Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.	Hệ thống	Có hệ thống	Bắt buộc	Hoạt động của Đài truyền thanh cấp xã có sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông.
17	Điểm phục vụ bưu chính có khả năng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	Điểm phục vụ	Có điểm phục vụ	Mở rộng	Điểm phục vụ bưu chính tại xã phải có ít nhất 01 máy tính được kết nối internet và sẵn sàng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
18	UBND xã/phường/thị trấn kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng.	Kết nối	Có kết nối	Bắt buộc	Hệ thống mạng của trụ sở UBND xã, phường, thị trấn có kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng.
19	Chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã, phường, thị trấn sử dụng nền tảng số dành cho đảng viên để sinh hoạt thường kỳ, chuyên đề, học tập Nghị quyết...	Nền tảng	Có nền tảng	Mở rộng	Địa phương sử dụng nền tảng Số tay đảng viên điện tử.
20	Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 của Chính phủ.	Trang	Có trang TTĐT	Mở rộng	UBND cấp xã có Trang thông tin điện tử.
21	Chính quyền xã/phường/thị trấn sử dụng hệ thống, nền tảng số họp trực tuyến kết hợp không in tài liệu giấy trong các cuộc họp.	Hệ thống	Có hệ thống	Mở rộng	Chính quyền cấp xã có sử dụng hệ thống, nền tảng số họp trực tuyến kết hợp không in tài liệu giấy trong các cuộc họp.
22	Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	Hệ thống	Có hệ thống	Mở rộng	Chính quyền cấp xã có hệ thống đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.
23	Phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn...) đến điện thoại của người dân thông qua các nền tảng số hoặc mạng xã hội...	Nền tảng	Có nền tảng	Mở rộng	Chính quyền cấp xã có sử dụng nền tảng số hoặc mạng xã hội để phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn...) đến điện thoại của người dân.

24	Xây dựng và triển khai chương trình hành động, kế hoạch của địa phương để hỗ trợ, hướng dẫn người dân trong chuyển đổi số.	Chương trình, kế hoạch	Có kế hoạch	Mở rộng	UBND cấp xã có ban hành Kế hoạch để hỗ trợ, hướng dẫn người dân trong chuyển đổi số.
25	Sử dụng diễn đàn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới giữa các làng/xã, người dân trên nền tảng số, mạng xã hội.	Diễn đàn	Có diễn đàn, nhóm công tác	Mở rộng	UBND cấp xã có chỉ đạo, khuyến khích hình thành các diễn đàn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới giữa các làng/xã, người dân trên nền tảng số, mạng xã hội.
26	Sử dụng hệ thống quản lý thông tin dữ liệu kinh tế - xã hội của xã, phường, thị trấn.	Hệ thống	Có hệ thống	Mở rộng	UBND cấp xã có hệ thống dashboard để thu thập, phân tích, hiển thị số liệu về kinh tế - xã hội.
27	Có ứng dụng nền tảng tương tác hoặc xử lý phản ánh kiến nghị của người dân với chính quyền cấp xã.	Nền tảng	Có nền tảng	Mở rộng	Chính quyền địa phương có sử dụng nền tảng phản ánh, kiến nghị hoặc nền tảng tương tác với người dân.
28	Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi, các cơ sở/ khu sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy hải sản, làng nghề trên địa bàn.	Nền tảng	Có nền tảng	Mở rộng	Địa phương có ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi, các cơ sở/ khu sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy hải sản, làng nghề trên địa bàn.
29	Ứng dụng nền tảng số để giải quyết hiệu quả các bài toán của địa phương trong quản lý đô thị và xây dựng xã/ phường văn minh đô thị.	Nền tảng	Có nền tảng	Mở rộng	Chính quyền cấp xã triển khai nền tảng số để giải quyết hiệu quả các bài toán của địa phương trong quản lý đô thị và xây dựng xã/ phường văn minh đô thị.
<b>II</b>	<b>KINH TẾ SỐ</b>				
1	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.	%	90%	Bắt buộc	Số phần trăm doanh nghiệp vừa và nhỏ có

					sử dụng nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh trên tổng số doanh nghiệp nhỏ và vừa của xã, phường, thị trấn.
2	Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh cá thể sử dụng thương mại điện tử.	%	50%	Bắt buộc	Số phần trăm của các hộ sản xuất, kinh doanh cá thể có sử dụng thương mại điện tử trên tổng số các hộ sản xuất, kinh doanh cá thể trên địa bàn xã, phường, thị trấn.
3	Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh cá thể chấp thuận thanh toán không dùng tiền mặt.	%	70%	Bắt buộc	Số phần trăm của các hộ sản xuất, kinh doanh cá thể có chấp thuận hình thức thanh toán không dùng tiền mặt trên tổng số các hộ sản xuất, kinh doanh cá thể trên địa bàn xã, phường, thị trấn.
4	Tỷ lệ doanh nghiệp, HTX sử dụng hợp đồng điện tử.	%	80%	Bắt buộc	Số phần trăm các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn xã, phường, thị trấn có sử dụng hợp đồng điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.
5	Thành viên của HTX, doanh nghiệp được định hướng, tập huấn ứng dụng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh.	%	90%	Bắt buộc	Số phần trăm thành viên HTX, doanh nghiệp được định hướng, tập huấn ứng dụng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh do các cơ quan, tổ chức triển khai thực hiện.
6	Tỷ lệ doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh nộp thuế điện tử.	%	90%	Bắt buộc	Số phần trăm doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh nộp thuế điện tử trên tổng số doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, phường, thị



					trần.
7	Tỷ lệ các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của địa phương được đưa lên sàn thương mại điện tử.	%	90%	Bắt buộc	Số phần trăm các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của địa phương được đưa lên sàn thương mại điện tử trên tổng số các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP.
8	Có mô hình, doanh nghiệp, HTX ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ.	Mô hình	Có từ 3 mô hình trở lên	Bắt buộc	Doanh nghiệp, HTX có xây dựng mô hình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số.
9	Có mô hình phát triển kinh tế gắn với bảo tồn văn hóa hoặc bảo vệ môi trường có ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.	Mô hình	Có mô hình	Bắt buộc	Địa phương có hình thành mô hình phát triển kinh tế gắn với bảo tồn văn hóa hoặc bảo vệ môi trường có ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.
10	Có mô hình kinh tế nông thôn đổi mới, sáng tạo dựa trên ứng dụng giải pháp công nghệ số.	Mô hình	Có mô hình	Bắt buộc	Địa phương có hình thành mô hình kinh tế nông thôn đổi mới, sáng tạo dựa trên ứng dụng giải pháp công nghệ số.
11	Tổ chức, doanh nghiệp chấp nhận hình thức thanh toán không dùng tiền mặt cho các dịch vụ thiết yếu tiền điện, tiền nước, các loại phí.	%	100%	Mở rộng	Có hình thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán các dịch vụ thiết yếu như tiền điện, tiền nước, phí vệ sinh môi trường...
<b>III</b>	<b>XÃ HỘI SỐ</b>				
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành từ 15 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	%	50%	Bắt buộc	Số phần trăm dân số có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân trên tổng số dân số từ 15 tuổi trở lên tại địa phương cấp xã.
2	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản, an toàn thông tin trên không gian mạng và	%	70%	Bắt buộc	Số phần trăm người dân trong độ tuổi lao động được tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số

	hành vi ứng xử trên các mạng xã hội.					cơ bản, an toàn thông tin trên không gian mạng và hành vi ứng xử trên các mạng xã hội trên tổng số người dân trong độ tuổi lao động tại địa phương.
3	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản.	%	70%	Bắt buộc		Số phần trăm người dân sử dụng điện thoại thông minh, máy tính có cài đặt các phần mềm phòng, chống virus, mã độc.
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	%	50%	Bắt buộc		Số phần trăm dân số trưởng thành có hồ sơ nộp trực tuyến trên tổng số lượng hồ sơ TTTC người dân đã thực hiện.
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa.	%	30%	Bắt buộc		Số phần trăm dân số trưởng thành cài đặt nền tảng tư vấn, khám bệnh từ xa như VOV Bác sỹ 24h trên tổng số dân độ tuổi trưởng thành tại địa phương.
6	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.	%	90%	Bắt buộc		Số phần trăm người dân đã được thiết lập hồ sơ sức khỏe điện tử trên tổng số dân của địa phương.
7	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành có tài khoản định danh điện tử.	%	80%	Bắt buộc		Số phần trăm người dân trong độ tuổi trưởng thành được thiết lập tài khoản định danh điện tử trên tổng số người dân trong độ tuổi trưởng thành tại địa phương.
8	Người dân nhận thông tin lịch trình thu gom rác thải; nhận thông tin và thực hiện chi trả dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải qua ứng dụng công nghệ số.	Nền tảng	Có nền tảng	Mở rộng		Chính quyền địa phương thực hiện thông tin lịch trình thu gom rác thải; nhận thông tin và thực hiện chi trả dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải tới

					người dân thông qua nền tảng mạng xã hội như Zalo, facebook...
9	Người dân kịp thời nhận thông tin và được hướng dẫn biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu qua kênh thông tin tuyên truyền ứng dụng công nghệ số.	Nền tảng	Có nền tảng	Mở rộng	Chính quyền địa phương thực hiện thông tin và được hướng dẫn biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu tới người dân thông qua nền tảng mạng xã hội như Zalo, facebook...
10	Tỷ lệ nhà văn hóa tại thôn, bản, tổ dân phố có wifi kết nối internet cáp quang băng rộng và là nơi sinh hoạt cộng đồng có sử dụng công nghệ số.	%	80%	Mở rộng	Số phần trăm nhà văn hóa tại địa phương có kết nối Internet cáp quang và phát Wifi trên tổng số nhà văn hóa tại khu dân cư của địa phương.
11	Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...).	Điểm phát	Tối thiểu 03 điểm phát	Mở rộng	Các điểm công cộng tại địa phương có cung cấp Wifi miễn phí.
12	Trạm y tế có các trang thiết bị phục vụ tư vấn, khám chữa bệnh từ xa như máy tính, đường truyền internet băng rộng, camera, loa...	Hệ thống	Có hệ thống	Mở rộng	Cơ sở y tế tại địa phương được trang bị máy tính, đường truyền internet băng rộng, camera, loa... để phục vụ hoạt động khám, chữa bệnh.
13	Trạm y tế triển khai hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Bộ Y tế.	Hệ thống	Có hệ thống	Mở rộng	Trạm y tế xã có triển khai thực hiện hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 3532/QĐ-BYT.
14	Có cơ sở giáo dục và đào tạo triển khai mô hình trường học chuyên đổi số theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT.	Mô hình	Có mô hình	Bắt buộc	Tại địa phương có cơ sở giáo dục và đào tạo triển khai mô hình trường học chuyên đổi số theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT.

**PHỤ LỤC 2:****Danh sách các nền tảng, hệ thống thông tin, ứng dụng của tỉnh triển khai**

- (1) Cổng dịch vụ công (Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bình Phước)
- (2) Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- (3) Trang thông tin điện tử đảng bộ tỉnh Bình Phước;
- (4) Quản lý văn bản và điều hành Onewin, Ioffice (tỉnh, huyện);
- (5) Công báo tỉnh;
- (6) Điều hành thông minh IOC;
- (7) Phòng chống mã độc cyradar;
- (8) Hội nghị truyền hình trực tuyến;
- (9) An sinh xã hội;
- (10) Quản lý Cán bộ công chức, viên chức;
- (11) Theo dõi, đánh giá chỉ số CCHC các cấp;
- (12) Quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ công tác thi đua, khen thưởng;
- (13) Cơ sở dữ liệu Ban dân tộc cấp tỉnh;
- (14) Cơ sở dữ liệu dùng chung;
- (15) Cơ sở dữ liệu về giá;
- (16) Đăng nhập một lần SSO;
- (17) Đấu thầu thuốc và thống kê ngành Y tế;
- (18) Giám sát quan trắc môi trường;
- (19) Hồ sơ sức khỏe điện tử;
- (20) Phần mềm Tài nguyên và Môi trường tỉnh (quản lý đất đai);
- (21) Lưu trữ đám mây owncloud;
- (22) Quản lý CSDL phục vụ chỉ đạo, điều hành chính quyền số cấp xã;
- (23) Quản lý hiện vật bảo tàng tỉnh;
- (24) Quản lý hộ nghèo;
- (25) Quản lý xử phạt hành chính;
- (26) Thông tin nguồn;
- (27) Trang thông tin điện tử và cơ sở dữ liệu Thư viện tỉnh;
- (28) Ứng cứu khẩn cấp EOC;
- (29) Camera an ninh – giao thông công cộng;
- (30) Dữ liệu người khuyết tật;

- (31) Dữ liệu Quản lý đất đai thành phố Đồng xoài;
- (32) Quản lý cấp phép Xây dựng;
- (33) Máy chủ bảo mật Sercurity Server (SS)
- (34) Nền tảng chia sẻ và tích hợp dữ liệu tỉnh (LGSP)
- (35) Báo cáo kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước – LRIS;
- (36) App công dân tỉnh Bình Phước (Binhphuoc Today)
- (37) Tổng đài 1022.
- (38) Thông tin quản lý CSDL ngành Công thương;
- (39) Thông tin quản lý CSDL ngành Lao động TBXH;
- (40) Sổ tay Đảng viên điện tử tỉnh Bình Phước;
- (41) Kho Dữ liệu số;
- (42) Thông tin quản lý CSDL ngành Kế hoạch và Đầu tư;
- (43) Thông tin quản lý CSDL ngành Giao thông - Vận tải;
- (44) Thông tin quản lý CSDL và quản lý số hóa hiện vật bảo tàng;
- (45) Lưu trữ lịch sử;
- (46) Hệ thống thông tin địa lý (GIS) tỉnh Bình Phước;
- (47) Cổng thông tin du lịch tỉnh Bình Phước;
- (48) Sàn giao dịch nông sản (Ecombinhphuoc) tỉnh Bình Phước;

**Và một số nền tảng, ứng dụng dự kiến triển khai của tỉnh theo Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 23/5/2024 của UBND tỉnh.**